**Chủ đề 1: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**

**I. Ianta (2/1945)**

**1. Bối cảnh:**

**-** Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc

**-** 4 🡺 11/2, hội nghị quốc tế ở Ianta gồm nguyên thủ 3 nước MĨ, Anh, Liên Xô.

**2. Nội dung:**

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, quân phiệt Nhật.

- Thành lập Liên hợp quốc để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

- Thỏa thuận vị trí đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở Châu âu, Á

**3. Hệ quả:** Khuôn khổ của trật tự thế giới mới – trật tự 2 cực Ianta

**II. Liên hợp quốc**

**1. Sự thành lập:**

- Từ 25/4-26/6/1945, hội nghị Xan Phranxixco (Mĩ), gồm 50 quốc gia, thông qua Hiến chương

- 24/10/1945, Hiến chương có hiệu lực → ngày Liên hợp quốc

- Trụ sở tại Niu Ooc (Mĩ)

**2. Mục đích:**

- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới

- Phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia.

**3. Cơ cấu:** 6 bộ phận chính: Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế-xã hội, Hội đồng quản thác, Tòa án quốc tế và Ban thư kí

**4. Vai trò:**

- Diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình an ninh thế giới.

- Giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực

- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế

**5. Nguyên tắc:**

- Bình đẳng chủ quyến giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước

- Không can thiệp vào nội bộ các nước

- Giải quyết tranh chấp xung đột quốc tế bằng phương pháp hòa bình

- Chung sống hòa bình với sự nhất trí của 5 cường quốc: Mĩ-Anh-Pháp-Liên Xô-Trung Quốc

**Chủ đề 2: LIÊN XÔ (1945-1991), LIÊN BANG NGA (1991-2000)**

**I. Liên Xô (1945-1991)**

**1. Liên Xô từ năm 1945 đến giữa những năm 70**

**a. Khôi phục (1945-1950)**

* Tổn thất nặng
* Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế
* Hoàn thành trước hạn
* Công nghiệp: Tăng 73%
* 1949: chế tạo bom nguyên tử
* 1950: kinh tế đạt mức trước chiến tranh

**b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội (50-70)**

* Công nghiệp thứ 2 thế giới
* Nông nghiệp tăng 16%/năm
* Đối ngoại: hòa bình, tích cực
* 1957 phóng vệ tinh nhân tạo
* 1961 phóng tàu vũ trụ
* → thành trì cách mạng thế giới

**2. Nguyên nhân tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô**

* Mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp với quy luật khách quan.
* Không bắt kịp bước phát triển của khoa học-kĩ thuật
* Tiến hành cải tổ phạm phải sai lầm
* Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước

**II. Liên bang Nga (1991-2000)**

**1. Kinh tế**

* 1990-1995, tăng trưởng GDP âm.
* 1996, kinh tế bắt đầu có dấu hiệu phục hồi

**2. Chính trị**

* 12/1993: hiến pháp quy định chế độ Tổng thống Liên Bang
* 1993: En-Xin làm Tổng thống
* 2000: Pu-tin làm tổng thống

**3. Đối ngoại**

* Kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô trong quan hệ quốc tế
* 1992-1993, “Định hướng Đại tây dương” ngả về phương Tây.
* 1994, “Định hướng Âu-Á”, tăng cường quan hệ với các nước của cả 2 châu lục.

**Chủ đề 3: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA TINH (1945-2000)**

**I. Các nước Đông Bắc Á**

**1. Nét chung khu vực Đông Bắc Á**

**a. Sự ra đời**

8/1948, Đại Hàn Dân Quốc

9/1949, Cộng hòa nhân dân Triều Tiên

10/1949, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Hồng Kong, Ma Cao trở về chủ quyền TQ.

**b. Phát triển kinh tế**

Nửa sau thế kỉ XX, tăng trưởng nhanh

Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan trở thành “con rồng” châu Á

Nhật Bản: nền kinh tế lớn thứ hai thế giới

Trung Quốc: tăng trưởng cao nhất thế giới

**2. Trung Quốc**

* ***1946-1949: nội chiến Quốc-Cộng***
* ***1/10/1949: nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời***
* Chấm dứt nô dịch của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến
* Mở ra kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội
* Ảnh hưởng tới cách mạng thế giới, nối liền hệ thống xã hội chủ nghĩa từ Âu sang Á
* ***1949-1959: Xây dựng chế độ mới***
* ***1959-1978: không ổn định***
* ***12/1978: cải cách, mở cửa***

***Nội dung:***

+ Lấy kinh tế làm trọng tâm

+ Tiến hành cải cách, mở cửa

+ Xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa

+ Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc

***Thành tựu:***

+ Kinh tế: tăng trưởng 8%/năm

+ Khoa học kĩ thuật: tàu Thần Châu 5

+ Đối ngoại: Đa phương hóa.

**II. Đông Nam Á**

**1. Khái quát quá trình giành độc lập**

* Diện tích: 4,5 triệu km2, dân số: 536 triệu người, hiện nay gồm 11 nước
* Trước chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Nam Á là thuộc địa của các đế quốc Âu-Mĩ (trừ Thái Lan)
* Trong chiến tranh thế giới thứ hai bị Nhật chiếm đóng
* Sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, các nước ĐNA đừng lên đấu tranh giành độc lập
* Sau khi giành độc lập, các nước ra sức phát triển kinh tế-xã hội đạt nhiều thành tựu. Đặc biệt Xingapo được xem là một trong bốn “con rồng” của châu Á.

**2. Lào**

* Trước 1945 phát xít Nhật chiếm đóng
* 8/1945 tuyên bố độc lập
* 3/1946 Pháp trở lại xâm lược
* 1954 kí Hiệp định Giơ-ne-vơ
* 1954-1975: chống Mĩ
* 2/1973 Kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình
* 2/12/1975, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thành lập

**3. Campuchia**

* Trước 1945 phát xít Nhật chiếm đóng
* 10/1945, Pháp trở lại xâm lược → chống Pháp
* 1954 kí Hiệp định Giơ-ne-vơ
* 1954-1970, hòa bình trung lập, nhận viện trợ từ mọi phía
* 3/1970, tay sai Mĩ đảo chính lật đổ Xihanuc
* 1970-1975, chống Mĩ
* 17/4/1975, thủ đô Phnom Pênh được giải phóng
* 1975-1979, nội chiến chống Khome Đỏ
* 9/1993, vương quốc Campuchia thành lập

**4. Quá trình xây dựng và phát triển**

**Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN: In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Philippin Xingapo, Thái Lan**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hướng nội** | **Hướng ngoại** |
| **Thời gian** | Những năm 50-60 của thế kỉ XX | Những năm 60-70 của thế kỉ XX |
| **Mục đích** | Xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ | Phát triển kinh tế, khắc phục hạn chế chính sách hướng nội |
| **Nội dung** | Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu… | Mở cửa kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển ngoại thương |
| **Thành tựu** | Đáp ứng một số nhu cầu của nhân dân, giải quyêt nạn thất nghiệp, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo… | Làm thay đổi bộ mặt kinh tế-xã hội các nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao: Thái Lan 7% (1985-1995), Xingapo 12% (1968-1973) đứng đầu 4 con rồng châu Á |
| **Hạn chế** | Thiếu vốn, nguyên liệu, công nghệ, chi phí cao, tham nhũng, đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa giải quyết được quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội | Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài, đầu tư bất hợp lí… |

**5. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN**

***\* Sự thành lập***

* Nhu cầu liên kết, hỗ trợ nhau để cùng phát triển
* Hạn chế ảnh hưởng từ bên ngoài
* Xu thế liên kết khu vực (EC)
* 8/8/1967 ASEAN thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan)
* 5 nước sáng lập: In-đô-nê-xia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan

***\* Mục tiêu***

* Phát triển kinh tế, văn hóa, thúc đẩy hợp tác giữa các nước
* Duy trì hòa bình, ổn định khu vực

***\* Nguyên tắc***

* Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
* Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực với nhau
* Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình
* Hợp tác phát triển có hiệu lực trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội

***\* Hoạt động***

* 1967-1975, Tổ chức non trẻ, hợp tác lỏng lẻo
* 1976, Khởi sắc sau Hiệp ước Bali
* Kết nạp: 1984 – Brunay, 1995 – Việt Nam, 1997 – Lào, Mianma, 1999 – Campuchia
* 11/2017, Thông qua Hiến chương ASEAN

**6. Ấn Độ**

* Diện tích 3,3 triệu km2, dân số 1 tỉ 50 triệu người (2002)
* Sau chiến tranh thế giới thứ 2, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ phát triển mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại
* Cuộc đấu tranh giành độc lập

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Sự kiện** |
| **19/2/1946** | 2 vạn thủy binh Bombay khởi nghĩa đòi độc lập dân tộc |
| **22/2/1946** | 20 vạn công nhân, học sinh, sinh viên bãi công, tuần hành, mít tinh chống Anh |
| **2/1947** | 40 vạn công nhân Cancutta bãi công |
| **8/1947** | Anh đưa ra “phương án Maobatton” chia thành 2 nước: Ấn Độ (Ấn độ giáo), Pakistan (Hồi giáo) |
| **26/01/1950** | Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa |

**III. Các nước Châu Phi**

***\* Quá trình giành độc lập***

* Trước 1945 là thuộc địa của Âu-Mĩ
* Sau 1945 các nước giành độc lập đầu tiên: Ai Cập(1952-1953), Libi(1952), Angieri (1954-1962)
* 1960, 17 nước Châu Phi giành độc lập
* 1975, thắng lợi Ăng-gô-la và Mô-dăm-bích → cơ bản chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ
* 1980, hoàn thành đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ (Dimbabue 1980, Namibia 3/1990)
* 11/1993, chế độ phân biệt chủng tộc A-pac-thai bị xóa bỏ
* 1994, NenXơn Manđêla tổng thống da đen đầu tiên của Cộng Hòa Nam Phi

***\* Ý nghĩa***

* Xóa bỏ chủ nghĩa thực dân và chế độ phân biệt chủng tộc kéo dài nhiều thế kỉ, mở ra thời kì độc lập xây dựng đất nước
* Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa trên toàn thế giới
* Góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc
* Làm xói mòn trật tự hai cực Ianta
* Thay đổi bản đồ chính trị thế giới

**IV. Các nước Mỹ La Tinh**

* Lục địa bùng cháy
* Sớm giành được độc lập nhưng bị biến thành “sân sau”, thuộc địa kiểu mới

**1. Cách mạng Cuba**

* 3/1952, Mĩ lập chế độ độc tài Batixta
* 26/7/1953, tấn công trại lính Môncada
* 1/1/1959, Cộng hòa Cuba thành lập
* 8/1961, Mĩ lập Liên minh vì tiến bộ

**2. Các nước khác**

* Từ thập niên 60-70, phong trào đấu tranh phát triển mạnh
* Từ 1964-1999, Panama đấu tranh, thu hồi chủ quyền kênh đào Panama
* 1983, 13 nước độc lập ở Caribe

**Chủ đề 4: CÁC NƯỚC MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945-2000)**

**I. Nước Mĩ**

**1. Kinh tế, khoa học - kĩ thuật**

* ***Kinh tế 1945-1973***
* Công nghiệp đứng đầu thế giới (56,5%)
* Nông nghiệp gấp hai lần 5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại
* Chiếm ¾ dự trữ vàng thế giới, 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới
* ***Nguyên nhân phát triển***
* Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, trình độ cao
* Lợi dụng chiến tranh để làm giàu: bán vũ khí, phương tiện chiến tranh
* Áp dụng thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật
* Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao
* Chính sách, hoạt động điều tiết của nhà nước có hiệu quả
* ***Kinh tế 1973-2000***
* 1973-1982: khủng hoảng và suy thoái kéo dài
* Từ 1983: phục hồi và phát triển
* Thập niên 90, có những đợt suy thoái ngắn, vẫn đứng đầu thế giới
* Bị cạnh tranh ráo riết bởi Tây âu và Nhật Bản
* ***Khoa học – kĩ thuật***
* Khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại
* Chiếm 1/3 lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới

**2. Đối ngoại**

* ***Chiến lược toàn cầu***
* Ngăn chặn đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội
* Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế
* Khống chế, chi phối các nước đồng minh
* ***Chiến tranh lạnh***
* Khởi nguồn chiến tranh lạnh 3/1947
* Gây chiến tranh ở Triều Tiên, Việt Nam, Cuba, Trung Đông…
* Giữa thập niên 80, có sự hòa hoãn
* 12/1989, cùng Liên Xô tuyên bố kết thúc Chiến tranh lạnh
* ***Cam kết và mở rộng***
* Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu
* Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ
* Sử dụng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác
* ***Tham vọng***
* Thiết lập trật tự “đơn cực”
* Vụ khủng bố (11/9/2001), thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại ở thế kỉ XXI

**II. Tây Âu (1945-2000)**

1. **Sự phát triển**

* ***Kinh tế***

***+ 1945***

* Tổn thất nặng nề
* 1950, nhờ nổ lực, “Kế hoạch Mácsan” kinh tế khôi phục

***+1950***

* Phát triển nhanh chóng
* Thập niên 70 trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính thế giới
* ***Nguyên nhân phát triển***
* Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật
* Vai trò quản lí, điều tiết nền kinh tế của nhà nước có hiệu quả
* Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài, viện trợ Mĩ, nguồn nguyên liệu rẻ, hợp tác có hiệu quả trong EC..

***+ 1973-1990, khủng hoảng, suy thoái***

***+ 1994 phục hồi phát triển***

* ***Đối ngoại***
* 1945: trở lại xâm lược thuộc địa, Pháp (Đông Dương), Anh (Miến Điện, Mã Lai). Gia nhập NATO
* 1950: liên minh chặt chẽ với Mĩ (Anh)
* 1973: Đa phương hóa Pháp, Đức

**2. Liên minh Châu Âu (EU)**

* *Sự thành lập*
* 1951: Cộng đồng than thép Châu Âu (ECSC)
* 1957: Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu và Cộng đồng kinh tê châu Âu.
* 1967: Cộng đồng châu Âu (EC)
* 1993: Liên minh châu Âu (EU)
* *Mục tiêu*: Liên minh chặt chẽ về kinh tế, tiền tệ và chính trị
* Cơ cấu: Bao gồm: Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, quốc hội Châu Âu, tòa án châu Âu và một số ủy ban chuyên môn khác
* Kết nạp: 2016 có 28 thành viên

1. thiết lập quan hệ với Việt Nam

→ Liên minh kinh tế, chính trị lớn nhất hành tinh

**III. Nhật Bản**

* ***Cải cách dân chủ***
* Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế
* Cải cách ruộng đất
* Dân chủ hóa lao động
* ***Phát triển thần kì***
* 1952-1960: phát triển nhanh
* 1960-1970: phát triển thần kì, GDP 10.8%/năm
* Trung tâm kinh tế - tài chính thế giới
* ***Nguyên nhân phát triển***
* Con người nhân tố quyết định hàng đầu
* Vai trò lãnh đạo, quản lí nhà nước
* Các công ty có sức mạnh, tính cạnh tranh cao
* Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại
* Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài
* Chi phí quốc phòng thấp
* ***Khoa học kĩ thuật***
* Mua bằng phát minh sáng chế
* Phát triển lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng
* ***Đối ngoại***
* Liên minh chặt chẽ với Mĩ → Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật
* Đa phương hóa: “học thuyế Kaiphu (1911)” → trở về Châu Á

**Chủ đề 5: QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 - 2000)**

* ***Mâu thuẫn Đông – Tây***
* Đối lập về mục tiêu, chiến lược giữa Mĩ và Liên Xô
* Sau chiến tranh thế giới thứ 2, Mĩ nắm độc quyền vũ khí nguyên tử
* ***Khởi đầu chiến tranh lạnh***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tư bản** | **Xã hội chủ nghĩa** |
| -Bao gồm: Mĩ, Tây Âu  -Kế hoạch Macsan  -Liên minh quân sự NATO | -Bao gồm: Liên Xô, Đông Âu  -Tổ chức SEV  -Tổ chức VACSAVA |

* ***Trong thời kì chiến tranh lạnh***
* Thế giới luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng
* Chiến tranh cục bộ: Bec-lin, Triều Tiên, Caribe, Việt Nam…
* Xuất hiện xu thế hòa hoãn từ những năm 70
* ***Nguyên nhân kết thúc chiến tranh lạnh***
* Chạy đua vũ trang gây tốn kém, suy giảm tiềm lực cả Liên Xô và Mĩ
* Mĩ bị cạnh tranh gay gắt bởi Tây Âu, Nhật Bản…;Liên Xô khủng hoảng
* ***Thế giới sau chiến tranh lạnh***
* Xu thế đa cực, nhiều trung tâm
* Tập trung phát triển kinh tế
* Mĩ tham vọng “một cực”
* Xung đột vẫn đang tiếp diễn

**CHỦ ĐỀ 6**

**CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ  
VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ**

**I. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ**

**1. Nguồn gốc và đặc điểm**

**\* Nguồn gốc:**

- Do đòi hỏi của cuộc sống và của sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

- Diễn ra trong bối cảnh đặc biệt: sự bùng nổ dân số, sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên, chiến tranh…

- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là tiền đề thúc đẩy cách mạng khoa học kỹ

thuật lần thứ hai và cách mạng công nghệ bùng nổ.

**\* Đặc điểm**: Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kỹ thuật, đi trước mở đường cho kỹ thuật. Kỹ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.

**2. Những thành tựu tiêu biểu**

- Khoa học cơ bản: có nhiều phát minh lớn trong các lĩnh vực toán, lý, hóa, sinh…, tạo cơ sở lý thuyết cho kỹ thuật phát triển và là nền móng của tri thức.

- Công cụ sản xuất mới: máy tính điện tử, máy tự động, hệ thống máy tự động, robot...

- Năng lượng mới: nguyên tử, nhiệt hạch, mặt trời, thủy triều, gió…

- Vật liệu mới: pôlyme, vật liệu tổ hợp composite, gốm cao cấp (siêu bền, siêu cứng, siêu dẫn)…

- Công nghệ sinh học: có những đột phá phi thường trong công nghệ di truyền tế bào, vi sinh, enzim… góp phần giải quyết nạn đói, chữa bệnh

- Giao thông vận tải – Thông tin liên lạc: máy bay siêu âm, tàu hỏa siêu tốc, cáp sợi thủy tinh quang dẫn, …

- Chinh phục vũ trụ: vệ tinh nhân tạo, thám hiểm mặt trăng, du hành vũ trụ…,

**\* Tác động:**

- Tích cực:

+ Tăng năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người.

+ Thay đổi cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, đòi hỏi mới về giáo dục, đào tạo.

+ Thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa.

- Tiêu cực: ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động và giao thông, các dịch bệnh mới, chế tạo vũ khí hủy diệt đe dọa sự sống trên hành tinh.

**II. XU THẾ TOÀN CẦU HÓA VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ**

**1. Bản chất**

Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

**2. Biểu hiện**

* Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
* Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
* Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
* Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực,

**3. Tích cực**

* Thúc đẩy sự phát triển, xã hội hóa của lực lượng sản xuất.
* Góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế, đòi hỏi cải cách sâu rộng

**4. Hạn chế**

* Trầm trọng thêm sự bất công trong xã hội, sự phân hóa giàu nghèo
* Cuộc sống kém an toàn, nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc độc lập tự chủ.

**--------------------------------------------------------------------**

**Chủ đề 1: VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930.**

**I. Phong trào dân tộc dân chủ 1919-1925**

**1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.**

**\* Hoàn cảnh lịch sử:**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trật tự thế giới mới (Vecxai – Oasinhtơn) được thiết lập

- Pháp bị thiệt hại nặng nề.

- Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công, quốc tế cộng sản ra đời có tác động mạnh đến cách mạng Việt Nam

- Trong bối cảnh đó Pháp tiến hành cuộc khai thác lần hai ở Đông Dương

(sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933).

**\* Mục đích**:

+ Bù đắp thiệt hại sau chiến tranh

+ Khôi phục lại địa vị trong thế giới tư bản.

**\* Chính sách khai thác kinh tế:**

* Tăng cường dầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn
* Nông nghiệp: thu hút vốn nhiều nhất, chủ yếu vào đồn điền cao su.
* Công nghiệp: khai thác mỏ (mỏ than), muối, xay xát, dệt...
* Thương nghiệp: có bước phát triển mới, nhưng do Pháp nắm độc quyền
* Giao thông vận tải: được phát triển, đô thị mở rộng, dân cư đông hơn.
* Tăng thuế để tăng ngân sách

= > phục vụ lợi ích của thực dân Pháp, kìm hãm kinh tế VN phát triển.

**2. Những biến đổi mới về kinh tế và giai cấp ở Việt Nam**

**\* Kinh tế:**

- Có bước phát triển mới, nhưng mất cân đối, lạc hậu,lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

**\* Xã hội:**

**- Giai cấp địa chủ**: tiếp tục phân hóa một bộ phận trung, tiểu, địa chủ tham gia phong trào dân tộc, dân chủ.

**- Giai cấp nông dân** : + bị tước đoạt ruộng đất, bị bần cùng hóa

+ là lực lượng cách mạng to lớn.

**- Giai cấp tiểu tư sản**: số lượng tăng nhanh, có tinh thần chống đế quốc và tay sai; đội ngũ trí thức nhạy bén với thời cuộc, hăng hái đấu tranh.

**- Giai cấp tư sản**: phân hóa thành 2 bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc.

**- Giai cấp công nhân**:

+ Số lượng tăng(đến 1929 có 22 vạn người).

+ Đặc điểm riêng: chịu 3 tầng áp bức (đế quốc, phong kiến, tư sản bản xứ), có quan hệ gắn bó với nông dân; có truyền thống yêu nước, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản.

* Vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng theo khuynh hướng tiến bộ

**3. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam.**

**\* Tư sản:**

- Tẩy chay hàng ngoại dùng hàng nội.

- Năm 1923, địa chủ, tư sản đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và xuất khẩu gạo ở Nam Kì của tư bản Pháp.

- Năm 1923, tư sản và địa chủ Nam Kì còn thành lập Đảng Lập hiến, đưa ra khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ. Khi Pháp nhượng bộ, họ ngừng đấu tranh.

**\* Tiểu tư sản**: hoạt động sôi nổi.

- Thành lập tổ chức chính trị...

- Hoạt động với nhiều hình thức phong phú, sôi nổi: mít tinh, biểu tình, bãi khóa ... lập nhà xuất bản tiến bộ, ra sách báo tiến bộ.

- Tiêu biểu nhất có cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925) và để tang Phan Châu Trinh (1926)

**\* Công nhân**: phong trào công nhân còn lẻ tẻ tự phát.

- Công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn lập công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

- Tháng 8/1925: phong trào đấu tranh của công nhân xưởng đóng tàu Ba Son => Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác .

**4. Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc**

- Cuối 1917, Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

- Ngày 18/6/1919, Người gởi tới Hội nghị Vecxai bản yêu sách đòi các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng cho nhân dân Việt Nam.

- 7-1920 Người đọc Luận cương Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa . Tìm thấy con đường cứa nước.

- 12/1920, dự Đại hội Tua, tán thành quốc tế thứ III và tham gia Đảng Cộng sản Pháp,trở thành đảng viên cộng sản đầu tiên.

- 1921, lập hội Liên hiệp các thuộc địa ở Pari, ra báo Người cùng khổ, viết bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, viết cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp => bí mật đưa về nước.

- 6/1923, sang Liên Xô, dự Đại hội Quốc tế Nông dân (10/1923) và dự Quốc tế Cộng sản lần V (1924)

- 11/1924, Người về Quảng Châu (TQ) trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lí luận, xây dựng tổ chức cách mạng để giái phóng dân tộc Việt Nam.

**- Công lao đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc:**

+ Tìm thấy con đường cứu nước mới cho dân tộc Việt Nam.

+ Chuẩn bị về tư tưởng và chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.

**II. Phong trào dân tộc dân chủ 1925-1930.**

1. **Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.**

**\* Sự thành lập**

- Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, Trung Quốc, liên lạc với những người Việt Nam yêu nước trong tổ chức Tâm Tâm xã.

- Tháng 2/1925, chọn một số thanh niên trong Tâm Tâm xã lập ra Cộng sản đoàn.

- Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai.

**\* Mục đích:** Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết chống Pháp và tay sai giành độc lập.

**\* Hoạt động:**

- Ra báo “Thanh niên”cơ quan ngôn luận (21/06/1925).

- “Đường Cách mệnh” (1927) tập hợp bài giảng của NAQ.

- Năm 1928 Hội chủ trương phong trào “Vô sản hóa”.

**\* Ý nghĩa, vai trò:**

**-** Chuẩn bị về mặt tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN.

- Đưa chủ nghĩa Max- Lênin vào phong trào công nhân.

- Chuẩn bị về cán bộ cho cách mạng.

**=> Tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

**2. Việt Nam Quốc dân Đảng.**

**\* Sự thành lập.**

* Cơ sở từ Nam Đồng thư xã.
* 25/12/1927 Nguyễn Thái học, Phạm Tuấn Tài…thành lập VNQDĐ.
* Chính đảng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản

**\* Mục đích.**

* Tư tưởng “tự do – bình đẳng- bác ái”.
* Mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
* Chủ trương cách mạng bằng bạo lực.

**\* Hoạt động chính.**

* 2/1929 tổ chức ám sát trùm mộ phu Ba Danh ở Hà Nội.
* 9/2/1930 khởi nghĩa Yên Bái.

**\* Ý nghĩa, vai trò.**

* Tinh thân yêu nước, cổ vũ phong trào đấu tranh.
* Khảo nghiệm một con đường yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
* Tiếp nối truyền thống yêu nước

**3. Hội nghị thành lập Đảng.**

* **Hoàn cảnh**
* Năm 1929, phong trào công nhân, phong trào yêu nước phát triển mạnh.
* Ngày 17/61929, thành lập **Đông Dương cộng sản đảng** tại 312 Khâm Thiên.
* Tháng 8/1929, những hội viên của Việt Nam cách mạng thanh niên ở tổng bộ và Nam Kì đã thành lập **An Nam cộng sản đảng**.
* Tháng 9/1929 đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã thành lập **Đông Dương cộng sản liên đoàn** tại Trung Kì.
* 3 tổ chức cộng sản ra đời,hoạt động riêng rẽ - > yêu cầu phải thống nhất thành một đảng duy nhất.
* 6-1-1930 Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất tại Cửu Long (Hương Cảng-Trung Quốc).
* **Nội dung.**
* Nguyễn Ái Quốc với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản đã phân tích tình hình thế giới, trong nước, phê phán tính thiếu thống nhất của các tổ chức, đề nghị các tổ chức thống nhất
* Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.
* Thông qua cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do nguyễn Ái Quốc khởi thảo.
* **Cương lĩnh chính trị.**
* Đường lối: cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
* Nhiệm vụ: đánh đổ ĐQ PK, TS phản cách mạng.
* Lực lượng: công – nông, TTS, trí thức lợi dụng hoặc trung lập phú nông, địa chủ,tư sản.
* Lãnh đạo : Đảng cộng sản Việt Nam.
* Quan hệ:cách mạng VN là một bộ phận của cách mạng thế giới.
* **Ý nghĩa.**
* Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mac –LêNin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở VN.
* Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

- Là bước chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những thắng lợi về sau.

**Chủ đề 2: VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 – 1945**

**I. Cao trào cách mạng 1930-1931**.

* **Hoàn cảnh.**
* Ảnh hưởng nặng nề do khủng hoảng kinh tế 1929-1933.
* Mâu thuẩn dân tộc ngày càng gay gắt.
* ĐCSVN ra đời kịp thời lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
* **Diễn biến.**
* Tháng 2- 4/1930 nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân.
* 1/5/1930 bùng nổ phong trào nhân ngày QTLĐ.
* Tháng 6-8/1930 cuộc đấu tranh trên phạm vi cả nước.
* Từ tháng 9/ 1930 phong trào dâng cao ở Nghệ - Tĩnh.
* **Xô Viết Nghệ - Tĩnh.**
* Sự ra đời: từ 9/1930 ở Nghệ - Tĩnh hình thành các Xô Viết, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.
* Chính sách: + Chính trị: thực hiện quyền tự do, dân chủ, lập độ tự vệ đỏ, tòa án.

+ Kinh tế: chia lại ruông đất công, xóa bỏ thuế thân, xóa nợ, làm thủy lợi.

+ Văn hóa- XH: dạy chữ Quốc ngữ, xóa bỏ tệ nạn, đảm bảo trật tự trị an.

* Ý nghĩa: Hình mẫu chính quyền cách mạng của dân, do dân và vì dân.
* **Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931.**
* **Hội nghị lần thứ nhất BCHTWĐ (10/1930).**
* Nội dung: + Đổi tên thành Đảng cộng sản Đông Dương.

+ Cử ra BCH TƯ.

+ Thông qua luận cương chính trị.

* Luận cương (10/1930):

+ Chủ trương: Cách mạng tư sản dân quyền sau đó tiến thẳng lên XHCN.

+ Nhiệm vụ: đánh PK, ĐQ.

+ Động lực: Công- nông.

+ Lãnh đạo: ĐCSĐD.

+ Nêu hình thức, phương pháp đấu tranh.

* **Hạn chế của Luận cương:** Chưa nêu được mâu thuẩn chủ yếu; không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu; đánh giá không đúng khả năng cách mạng của các tầng lớp giai cấp.
* **Ý nghĩa, bài học.**
* Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng...
* Hình thành khối liên minh công nông.
* QTCS công nhận Đảng CSDĐD là bộ phận của QTCS.
* Bài học về công tác tư tưởng, xây dựng liên minh công nông, mặt trận dân tộc thống nhất.
* **Cuộc tập dợt đầu tiên cho cách mạng tháng Tám năm 1945.**

**II. Phong trào dân chủ 1936-1939.**

* **Hoàn cảnh.**
* Trong nước:

+ Pháp tập trung đầu tư, khai thác.

+ Có sự phục hồi và phát triển nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc vào Pháp

+ Đời sống nhân dân khó khăn nên hăng hái tham gia đấu tranh.

* Thế giới:

+ Những năm 30 xuất hiện chủ nghĩa phát xít

+ 7/1935 Đại hội QTCS kêu gọi thành lập MTND chống PX và nguy cơ chiến tranh.

+ 6/1936 MTND Pháp thi hành cải cách tiến bộ ở thuộc địa.

* **Hội nghị BCHTW 7/1936.**
* Nhiệm vụ chiến lược: chống ĐQ và PK.
* Nhiệm vụ trực tiếp: chống phản động thuộc địa, PX và nguy cơ chiến tranh; đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
* Phương pháp: kết hợp hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
* Thành lập MTTNND phản đế Đông Dương. 3/1938 đổi thành MTDCĐD.
* **Hoạt động.**
* Phong trào Đông Dương đại hội 1936.
* Cuộc “đón rước Gô đa” 1937
* Đấu tranh nghị trường và báo chí.
* **Ý nghĩa, bài học.**
* Phong trào quần chúng rộng lớn, dưới sự lãnh đạo của Đảng; quần chúng được giác ngộ về chính trị; cán bộ được tập dợt, rèn luyện.
* Bài học: Xác định kẻ thù; xây dựng MTDT thống nhất;tổ chức, lãnh đạo quần chúng; đấu tranh tư tưởng trong nội bộ.
* **So sánh chủ trương, sách lược của Đảng qua 2 thời kỳ 1930-1931 và 1936-1939**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phong trào 1930-1931** | **Phong trào 1936-1939** |
| **Nhiệm vụ** | Chống ĐQ Pháp và PK tay sai ( lâu dài) | Chống bọn phản động thuộc địa, chống PX và nguy cơ của chiến tranh.(trước mắt) |
| **Mục tiêu** | Giành độc lập dân tộc và người cày có ruộng (lâu dài) | Đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình (trước mắt). |
| **Lực lượng** | Công nông | Đông đảo các giai cấp, tầng lớp được tập hợp trong MTDC Đông Dương |
| **Hình thức và phương pháp đấu tranh** | Bãi công,biểu tình..xuất hiện biểu tình có vũ trang.  Phương pháp đấu tranh bí mật và bất hợp pháp. | Bãi công, mittinh, biểu tình, báo chí, nghị trường..  Phương pháp: công khai, bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp. |

**III. Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945).**

**Nước VNDCCH ra đời.**

**1. Chủ trương, sách lược của cách mạng VN giai đoạn 1939-1945.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **HN BCHTW tháng 11/1939** | **HN BCHTW tháng 5/1941** |
| **Chủ trì** | TBT Nguyễn Văn Cừ | Nguyễn Ái Quốc |
| **Địa điểm** | Bà Điểm ( Gia Định) | Pác Bó ( Cao Bằng) |
| **Nhiệm vụ** | Đánh đổ đế quốc Pháp và bọ phản động tay sai. | Chống ĐQ – PX Pháp Nhật và bọn phản động tay sai. |
| **Mục tiêu** | Làm cho Đông dương hoàn toàn độc lập. | Giải phóng dân tộc thành lập nước VNDCCH. |
| **Chủ trương** | -Tạm gác khẩu hiệu CMRĐ, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của TD ĐQ và địa chủ phản bội dân tộc, chống sưu cao thuế nặng.  -Thay khẩu hiệu “thành lập chính quyền XV công nông binh” bằng khẩu hiệu “thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”. | -Tạm gác khẩu hiệu CMRĐ, đề ra khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, tiến tới người cày có ruộng. |
| **Hình thức MT** | MTTNDT phản đế Đông Dương. | MT VNĐLĐM (MT Việt Minh). |
| **Hình thức và phương pháp đấu tranh.** | Bí mật và bất hợp pháp | Đi từ khỏi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân. |
| **Ý nghĩa** | Chuyển hướng chỉ đạo về chủ trương, sách lược của cách mạng. | Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo về chủ trương, sách lược cách mạng. |

**2. Cách mạng Tháng Tám năm 1945.**

**\* Điều kiện bùng nổ.**

* Chủ quan: có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối, phương pháp và lực lượng cách mạng.
* Khách quan: Nhật đầu hàng Đồng Minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã.

**\* Chủ trương của đảng.**

* 13/8/1945 thành lập UBKN toàn quốc.
* 14-15/8/1945 HN toàn quốc của Đảng thông qua kế hoạch tổng khởi nghĩa.
* 16-17/8/1945 Đại hội quốc dân thông qua 10 chính sách của VM, cử ra UBDTGPVN.

**\* Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học.**

* Giành chính quyền trong cả nước, nước VNDCCH ra đời.
* Mở ra kỷ nguyên độc lập tự do
* Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực và thế giới.
* Nguyên nhân thắng lợi: Quân Đồng Minh đánh bại PX Nhật; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; sự chuẩn bị lâu dài 15 năm; truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết.

- Bài học: Đảng phải có đường lối đúng đắn; xây dựng, tập hợp lực lượng trong các MT ND; kết hợp các hình thức, phương pháp đấu tranh.

**Chủ đề 3. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 – 1954.**

**I. VN một năm đầu sau CM tháng Tám (2/9/1945-19/12/1946).**

1. **Bối cảnh.**

- Khó khăn:

+ ngoại xâm, nội phản: 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc ở phía bắc vĩ tuyến 16; quân Anh và pháp ở phía nam vĩ Tuyen 16, cả nước có 6 vạn quân Nhật.

+ nạn đói, nạn dối và khó khăn về tài chính.

🡺 “Ngàn cân treo sợi tóc”.

- Thuận lợi:

+ Nhân dân giành quyền làm chủ.

+Sự lãnh dạo của chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Cách mạng thé giới phát triển.

1. **Xây dựng chính quyèn giải quyết khó khăn.**

* Xây dựng chính quyền: bầu quốc hội, ban hành hiến pháp, xây dựng lực lượng vũ trang.
* Nạn đói: đóng góp, điều hòa thóc gạo, tăng gia sản xuất, giảm tô, giảm thuế.
* Nạn dốt: lập Nha bình dân học vụ (8/9/1945).
* Tài chính: đóng góp, phát hành tiền Việt Nam mới (23/11/1946)

**3. Chống ngoại xâm và nội phản**.

- Trước 6/3/1946:

+ Hòa hoãn với Tưởng, nhường ghế quốc hội, cung cấp thực phẩm, phương tiện.

+ kiên quyết chống nội phản và tay sai.

+ chống Pháp xâm lược trở lại Nam bộ.

- Sau ngày 6/3/1946: Hòa Pháp đuổi Tưởng ( HĐ Sơ bộ và Tạm Ước Việt-Pháp)

- HĐ Sơ bộ:

+ Pháp thừa nhận VNDCCH là một quốc gia tự do

+ Ta đồng ý cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay Tưởng giải giáp PX Nhật.

+ Ngừng xung đột ở Miền Nam.

**II. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1950.**

1. **Kháng chiến toàn quốc chống TDP bùng nổ.**

**\* Bối cảnh:**

+ Pháp bội ước, gởi tối hậu thư (18/12/1946)

**+** Đảng quyết định toàn quốc kháng chiến.

* **Ngày 19/12/1946 phát lệnh toàn quốc kháng chiến.**

**\* Đường lối kháng chiến:**

**+** Thế hiện qua “Chỉ thị toàn dân kháng chiến”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, tác phẩm “Kháng chiến nhất dịnh thắng lợi”.

**+ Toàn dân. Toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.**

**\* Cuộc chiến đấu trong các đô thị:**

+ Bắt đầu lúc 20h ngày 19/12/1946 công nhân nhà máy điện Yên Phụ báo tín hiệu.

+Từ 20/12/1946 ở Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng…

+ Giam chân quân địch, rút cơ quan đầu não về hậu phương, chuẩn bị kháng chiến lâu d

1. **Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.**

**\* Âm mưu:**

+ Tiêu diệt cơ quan đầu não, quân chủ lực của ta.

+ Triệt đường liên lạc quốc tế.

+ giành thắng lợi quân sự, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**\* Chủ trương của ta:** Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.

**\* Diễn biến:**

+ 10/1947 Pháp đưa 12000 quân tấn công Việt Bắc.

**+** Quân ta chủ động tấn công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Đường số 4, đèo Bông Lau, Đoan Hùng, Khe Lau..

**+** 12/1947 Pháp thất bại, Rút khỏi Việt Bắc.

**\* Kết quả, ý nghĩa:** + Đẩy lùi cuộc tiến công của Pháp.

**+** Bảo vệ được cơ quan đầu não, bộ đội chủ lực thêm trưởng thành.

+ Chiến dịch phản công lớn đầu tiên.

+ Làm thất bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

1. **Chiến dịch Biên Giới thu đông 1950.**

**\* Hoàn cảnh:**

+ 1949 CH ND Trung Hoa ra đời.

+ 1950 TQ, LX công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

+ Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương.

+ Pháp thực hiện kế hoach RơVe: Tăng cường phòng ngự trên đường số 4, lập hành lang Đông - Tây, cô lập và chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần 2.

**\* Chủ trương:**

+ 6/1950 ta chủ động mở chiến dịch Biên Giới.

+ Tiêu hao sinh lực địch, khai thông biên giới Việt -Trung.

+ Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

**\* Diễn biến:**

+ 16/9/1950 Ta mở chiến dịch tấn công ở Đông Khê.

+ Quân ta đánh chặn quân địch ở các điểm trên đường số 4, quân Pháp rút khỏi đường số 4 (22/10/1950).

**\* Kết quả, ý nghĩa:**   
+ Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân, khai thông biên giới Việt – Trung.

+ Chọc thửng hành lang Đông- Tây làm phá sản kế hoạch Rơ ve.

+ Chiến lược tấn công lớn đầu tiên của ta.

+ Giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.

**II. Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp 1951-1953.**

1. **Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.**

* Mỹ can thiệp sâu “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương”; “ Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ”.
* 12/1950 Phấp đề ra kế hoạch Đơlátđơ Tátxinhi nhằm kết thúc chiến tranh.
* Kế hoạch của Pháp có nội dung:

+ Xây dựng lực lượng cơ động mạnh, phát triển Ngụy quân.

+ Lập “Vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc bộ.

+ Tiến hành “ Chiến tranh tổng lực”.

+ Đánh phá hậu phương của ta.

1. **Đại hội Đảng lần 2 (1951).**

**\* Nội dung:**

**+** Thông qua “Báo cáo chính trị”, báo cáo “bàn về cách mạng Việt nam”.

+ Thành lập Đảng Mác- Lê nin ở từng nước ở Đông Dương. Ở Việt Nam là Đảng Lao động VN.

+ Bầu BCHTW Đảng, Bộ chính trị.

**\* Ý nghĩa: “Đại hội kháng chiến thắng lợi”**

1. **Hậu phương kháng chiến.**

**\* Chính trị:**

+ Thành lập MT Liên Việt

+ Thành lập liên minh Việt- Miên- Lào.

+ Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần I.

**\* Kinh tế:** Đẩy mạnh sản xuất, chấn chỉnh thuế khóa, cải cách ruộng đất.

**\* Giáo dục, văn hóa, y tế:**

+ Giáo dục: cải cách với 3 phương châm “Phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất”.

+ Văn hóa: thực hiện “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

+Y tế: chăm lo sức khỏe, bài trừ mê tín dị đoan.

**IV. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc 1953-1954.**

1. **Chiến cuộc đông xuân 1953-1954.**

**\* Âm mưu của Pháp - Mỹ:**

+ Sau 8 năm Pháp bị thiệt hại nặng nề.

+ Mỹ can thiệp sâu vào Đ D.

+ Đề ra kế hoạc Nava nhằm “Kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

**\* Chủ trương của Đảng:**

+ Phương hướng: mở những cuộc tiến công vào những điểm quan trọng mà giặc tương đối yếu.

+ Nhiệm vụ: tiêu diệt địch là chính; buộc Pháp phải phân tán lực lượng.

**\* Diễn biến:**

+ 12/1953 chiến dịch Tây Bắc, ta đánh lên Lai Châu, ĐBP thành nơi tập trung quân thứ hai

+12/1953 chiến dịch Trung Lào, Sê nô trở thành nơi tập trung quân thứ 3.

+ 1/1954 liên quân Việt – Lào, Luông pha bang trở thành nới tập trung binh lực thứ 4.

+ 2/1954 Tấn công Bắc Tây Nguyên, Playcu trở thành nơi tập trung binh lực thứ 5.

**\* Kết quả, ý nghĩa:**

+ Buộc Pháp phân tán lực lượng, kế hoạch Nava bức đầu bị phá sản.

+ Tạo thế và lực cho cuộc kháng chiến tiến lên.

1. **Chiến dịch ĐBP 1954.**

* **Âm mưu:**
* Pháp xây dựng ĐBP thành trung tâm của kế hoạch Nava.
* Gồm 16200 tên, bố trí thành 3 quân khu với 49 cứ điểm.
* **Chủ trương:**
* 12/1953 ta quyết định mở chiến dịch ĐBP.
* Tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng Tây Bắc.
* Phương châm “Đánh chắc, tiến chắc”.
* **Diễn biến:**
* Đợt 1 (13-17/3/1954) Tiêu diệt cụm cứ điểm phía Bắc và căn cứ Him Lam.
* Đợt 2 (30/3- 26/4/1954) Đồng loạt tấn công phía Đông phân khu trung tâm Mường Thanh.
* Đợt 3 (1-7/5/1954) Tân công các cứ điểm còn lại của phân khu trung tâm và phân khu phía Nam.
* **Kết quả, ý nghĩa:**
* Đập tan hoàn toàn kế hoach Nava.
* Giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
* Tạo điều kiện thắng lợi cho cuộc đấu tranh ngoài giao.

1. **Hiệp định Giơnevơ năm 1954.**

* **Bối cảnh:**
* Thắng lợi của chiến dịch ĐBP buộc Pháp phải ký hiệp định Giơnevơ 21/7/1954.
* **Nội dung:**
* Các bên cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương.
* Ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn bộ lãnh thổ Đông Dương.
* Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.
* Cấm việc đưa nhân viên quân sự. quân đội, vũ khí nước ngoài vào 3 nước Đông Dương.
* VN sẽ tổng tuyển cử tự do thống nhất đát nước (7/1956) dưới sự kiểm soát của 1 ủy ban quốc tế.
* Trách nhiệm thi hành thuộc về những người ký kết và những người kế tục nhiệm vụ của họ.
* **Kết quả, ý nghĩa:**
* Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.
* Văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương.
* Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

1. **Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954).**

* **Nguyên nhân thắng lợi:**
* Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
* Toàn dân, toàn quân đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất.
* Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.
* Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của 3 nước Đông Dương.
* Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của TQ, LX và các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.
* **Ý nghĩa lịch sử:**
* Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp.
* Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của CNĐQ sau CTTG thứ 2.

- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ la tinh.

**Chủ đề 4. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 – 1975.**

**I. Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954.**

1. **Miền Bắc:**

**- Tình hình:**

+ 10/10/1954 quân ta tiếp quản thủ đô HN.

+ 1/1/1955 TƯ Đảng, chính phủ và chủ tịch HCM ra mắt nhân dân thủ đô.

+ 16/5/1955 Pháp rời khỏi Hải Phòng, miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

**- Nhiệm vụ**:

+ Chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN

+ Hàn gắn vết thướng chiến tranh, khôi phục kinh tế.

+ Căn cứ địa cách mạng, hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**- Vai trò:** Quyết định nhất cho sự thắng lợi chung của cả nước.

1. **Miền Nam:**

**- Tình hình:**

+ Pháp rút khỏi miền Nam khi chưa thực hiện tổng tuyển cử thống nhất VN.

+ Mỹ thay thế Pháp, lập nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

**- Nhiệm vụ:**

+ Tiếp tực làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

+ Giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đát nước.

**- Vai trò:** Quyết định trực tiếp cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**II. Phong trào Đồng Khởi (1959-1960).**

**Hoàn cảnh:**

+ Sau năm 1954, miền Nam đấu tranh chính trị.

+ Mỹ -Diệm tăng cường đàn áp, khủng bố, “Tố cộng, diệt cộng”.

+ Đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng tiến lên.

**Chủ trương:** Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 15 (1/1959) quyết định để miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng dể đánh đổ chính quyền Mỹ- Diệm.

**Diễn biến:**

+ Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi), sau lan khắp miền Nam trở thành cao trào cách mạng.

+17/1/1960 Đồng khởi nổ ra ở Bến Tre (3 xã Phước Hiệp, Bình Khánh, Định Thủy của huyện Mỏ Cày).

+ Phong trào lan khắp Nam bộ, Tây Nguyên, Trung Trung bộ.

**Kết quả, ý nghĩa:**

+ Cuối năm 1960 ta làm chủ nhiều thôn xóm Nam bộ, Tây Nguyên, Trung Trung bộ.

+ Ngày 20/12/1960 MTDTGPMNVN ra đời.

+ Đánh dấu sự phát triển nhảy votjcuar cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn sang thế tiến công.

+ Chế độ Sài Gòn bước vào thời kỳ khủng hoảng.

**III. Đại hội Đảng lần thứ III (1960).**

**Hoàn cảnh**:

+ MB khôi phục kinh tế đạt nhiều thành tựu.

+ Đấu tranh chống chế dộ Mỹ- Diệm và tay sai ở miền Nam giành được thắng lợi ban đầu.

+ họp tại HN, tháng 9/1960.

**Nội dung:**

+ Đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước và từng miền.

+ Thông qua “báo cáo chính trị” và “báo cáo sửa đổi điều lệ của Đảng” và thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

+ Bầu BCH TƯ mới của Đảng, bầu Bộ chính trị.

*🡺 “****Nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng CNXH thắng lợi ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.”***

**IV. Nhân dân hai miền chống lại các chiến lược chiến tranh của Mỹ (1961-1973).**

1. **Chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965).**

* **Âm mưu:**
* Hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới.
* Tiến hành bằng quân đội tay sai, hệ thống “Cố vấn” Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.
* Âm mưu cơ bản là “dùng người Việt đánh người Việt”.
* **Thủ doạn:**
* Đề ra kế hoạch “stalây -Taylo”, “Giôn xơn – Mắcnamara”.
* Tăng cường lực lượng cố vấn Mỹ và quân đội Sài Gòn.
* Dồn dân lập “Ấp chiến lược”, các chiến thuật mới “Thiết xa vận” “Trực thăng vận”.
* Tăng cường cố vấn, thành lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam (MACV).
* Mở nhiều cuộc hành quân càn quét chống phá.
* **Nhân dân miền Nam chiến đấu:**
* Ta đấu tranh trên 3 mặt trận bằng 3 mũi giáp công.
* 2/1/1963 quân dân ta thắng lớn ở Ấp Bắc (Mỹ Tho).
* Đấu tranh chính trị ở các đô thị Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.
* Phá vỡ từng mảng lớn “Ấp chiến lược”, Xương sống của “chiến tranh đặc biệt”.
* Đông – Xuân 1964-1965 thắng lớn ở trận Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài…
* **Ý nghĩa lịch sử**
* Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược thứ hai của quân dân miền Nam.
* Làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
* Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”.
* Chứng tỏ đường lối lãnh đạo của Đảng là đúng đắn và sự trưởng thành của quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

1. **Chiến đấu chống “chiến tranh cục bộ” (1965-1968).**

* **Âm mưu:**
* Hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới.
* Tiến hành bằng quân Mỹ, quân Đồng Minh và quân đội tay sai với phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ.
* Tạo ra ưu thế quân sự, giành lại thế chủ động.
* **Thủ doạn:**
* Mỹ đưa quân viễn chinh, đồng minh, phương tiện chiến tranh vào miền Nam.
* Thực hiện các cuộc phản công chiến lược vào 2 mùa khô (1965-1966; 1966-1967).
* Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
* **Nhân dân 2 miền chiến đấu:**
* Miền Nam:

+ 8/1965 Chiến thắng Vạn tường (Quảng Ngãi).

+ Đập tan cuộc phản công trong 2 mùa khô (1965-1966; 1966-1967).

+ Phong trào phá “Ấp chiến lược”, đấu tranh đòi Mỹ rút về nước.

+ Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

* Miền Bắc:

+ Thắng lợi trong việc chống chiến tranh phá hoại lần nhất.

+ Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn cho miền Nam.

* **Ý nghĩa lịch sử**
* Mỹ ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
* Mở ra bước ngoặc bắt đầu đàm phán ở Pari.
* Buộc Mỹ thừa nhận sự thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ”

1. **Chiến đấu chống VN hóa và Đông Dương hóa chiến tranh (1968-1973).**

* **Âm mưu:**
* Hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới.
* Tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, hệ thống “cố vấn” Mỹ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.
* Âm mưu là “dùng người Việt đánh người Việt” và mở rộng ra là “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
* **Thủ doạn:**
* Tăng cường quân đội Sài Gòn.
* Mở rông chiến tranh sang Lào và Campuchia.
* Mỹ hòa hoãn với LX, TQ để cô lập cách mạng ta.
* **Nhân dân 2 miền chiến đấu:**
* Miền Mam:

+ 6/6/1969 Chính phủ cách mạng lâm thời CHMNVN thành lập.

+ 4/1970 Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương.

+ 30/4 đến 30/6/1970 Quân dân Việt Nam - Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia.

+12/2 đến 23/3/1971, quân dân Việt- Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719”.

+ Thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

* Miền Bắc:

+ Thắng lợi trong việc chống chiến tranh phá hoại lần hai.

+ Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.

* **Ý nghĩa lịch sử:**
* Buộc Mỹ tuyên bó “Mỹ hóa” trở lại xâm lược.
* Ngừng nếm bom bắn phá miền Bắc.
* Hiệp định Pari được ký kết.
* **So sánh chiến lược “Chiến tranh Đặc biệt” với “Chiến tranh Cục bộ”.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Chiến lược*** | ***“Chiến tranh đặc biệt”*** | ***“Chiến tranh cục bộ”.*** |
| **Khác nhau** | -Tiến hành bằng quân đội tay sai, hệ thống “Cố vấn” Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.  - Âm mưu cơ bản là “dùng người Việt đánh người Việt”.  - “Ấp chiến lược” là quốc sách  -Chỉ tiến hành ở miền Nam.  - Quy mô nhỏ và ít ác liệt . | -Tiến hành bằng quân Mỹ, quân Đồng Minh và quân đội tay sai với phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng.  - Bộc lộ rõ dã tâm xâm lược trắng trợn.  -Tiến hành ở hai miền: bằng các cuộc hành quân tìm diệt và bình định miền Nam, mở rộng ra chiến tranh phá hoại miền Bắc.  - Quy mô lớn và ác liệt hơn. |
| **Giống nhau** | -Đều là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của Mỹ, nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.  - Kết quả đều thất bại. | |

* **So sánh chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với “VN hóa chiến tranh”.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Chiến lược*** | ***“Chiến tranh cục bộ”.*** | ***“VN hóa chiến tranh”.*** |
| **Khác nhau** | -Tiến hành bằng quân Mỹ, quân Đồng Minh và quân đội tay sai với phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng.  - Bộc lộ rõ dã tâm xâm lược trắng trợn.  -Tiến hành ở hai miền: bằng các cuộc hành quân tìm diệt và bình định miền Nam, mở rộng ra chiến tranh phá hoại miền Bắc.  - Quy mô Việt Nam . | Tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, hệ thống “cố vấn” Mỹ chỉ huy, có sự phối hợp của hỏa lực và không quân Mỹ, tiếp tục quốc sách bình định.  -Âm mưu là “dùng người Việt đánh người Việt” để giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.  - Mở rộng xâm lược sang Lào và Campuchia, thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.  - Quy mô toàn Đông Dương. |
| **Giống nhau** | - Đều là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của Mỹ, nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.  - Kết quả đều thất bại. | |

**V. Hiệp định Pari năm 1973.**

* **Bối cảnh:** Thắng lợi của chiến dịch “ĐBP trên không” buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari (27/1/1973)
* **Nội dung:**

+ Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

**+** Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27 - 1 - 1973 và Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

**+** Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

**+** Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lại chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

**+** Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chế độ Sài Gòn).

**+** Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**+** Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.

* **Ý nghĩa:**

+ Thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao**.**

+ Bước ngoặc mới cho cách mạng VN.

+ Với Hiệp định Pari, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước.

+ Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**VI. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975.**

* **Hoàn cảnh:**
* Tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 21, nhấn mạnh tiếp tục con đường cách mạng bạo lực.
* Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là tiếp tục cách mạng DTDCND.
* Chiến thắng đường 14- Phước Long (1/1975)
* **Chủ trương:**
* Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975.1976.
* Hội nghị bộ chính trị cuối năm 1974 đầu năm 1975 đã nhấn mạnh nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.
* **Diễn biến:**
* 4/3- 24/3/1975 Chiến dịch Tây Nguyên => Tổng tiến công trên toàn miền Nam.
* 21-29/3/1975 Chiến dịch Huế- Đà Nẵng.
* 26- 30/4/1975 Chiến dịch Hồ Chí Minh.
* **Kết quả, ý nghĩa:**
* 2/5/1975 Châu Đốc là tỉnh cuối cùng được giải phóng.
* Miền Nam hoàn toàn giải phóng.
* Kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ**.**

**VII. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).**

* **Nguyên nhân thắng lợi:**
* Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
* Nhân dân ta có lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí.
* Có hậu phương miền Bắc đáp ứng kịp thời yêu cấu của cuộc chiến ở hai miền.
* Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của 3 nước Đông Dương.
* Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới.
* **Ý nghĩa lịch sử:**
* Hoàn thành cuộc CMDTDCND, thống nhất đát nước.
* Mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội

- tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng trên thế giới.

**Chủ đề 5: VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 – 2000.**

**I. Việt Nam trong những năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1975.**

1. **Tình hình hai miền Nam –Bắc sau năm 1975.**

- Miền Bắc:

+ Xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật ban đầu của CNXH.

+ Chiến tranh phá hoại của Mỹ đã tàn phá nặng nề, hậu quả lâu dài.

- Miền Nam:

+ Hoàn toàn giải phóng nhưng hậu quả nặng nề.

+ Cơ bản: nông nghiệp lạc hậu, SX nhỏ, mất cân đối, lệ thuộc bên ngoài.

1. **Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.**

- Hoàn cảnh:

+ Đất nước đã thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng chưa thống nhất về mặt nhà nước.

+ Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

- Quá trình:

+ 9/1975 HNTW Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

+ 25/4/1976 tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước.

+ Quốc hội thống nhất- Quốc hội khóa VI họp kỳ họp đầu tiên ở HN.

- Ý nghĩa:

+ Là yêu cấu tất yếu, khách quan.

+ Thể chế hóa thống nhất lãnh thổ.

+ Tạo cơ sở để hoàn thành thống nhất trên các lĩnh vực khác.

+Tạo điều kiện để phát huy sức mạng của toàn dân, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ ngoại giao.

**II. Đường lối đổi mới của Đảng năm 1986.**

**\* Hoàn cảnh:**

* Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về KT,XH.
* Tác động của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật.
* Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của LX và các nước XHCN khác.

**\* Quan điểm chung: (ĐH Đảng Lần VI (1986)**

* Không thay đổi mục tiêu CNXH mà làm cho mục tiêu ấy hiệu quả hơn.
* Đổi mới đồng bộ, toàn diện.
* Lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm.

**\* Nội dung:**

- Kinh tế:

+ Hình thành cơ chế thị trường.

+ Xây dựng nền kinh tế quốc dân, nhiều ngành, nghề, quy mô, trình độ.

+ Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chính trị:

+ Nhà nước pháp quyền do dân, vì dân.

+ Xây dựng nền dân chủ XHCN.

+ Chính sách đại đoàn kết dân tộc.

+ Đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

* Thành tựu:

-Về kinh tế. Đạt được các mục tiêu của 3 chƣơng trình kinh tế lớn:

+ Lương thực thực phẩm : đáp ứng đƣợc nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu (sản xuất lương thực 1988 đạt 19.5 triệu tấn, 1989 đạt 21.4 triệu tấn).

+ Hàng tiêu dùng: Dồi dào đa dạng, có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng; lƣu thông thuận lợi. Phần bao cấp của nhà nước giảm.

+Hàng xuất khẩu (kinh tế đối ngoại) phát triển về quy mô và hình thức. Từ 1986 – 1990, hàng xuất khẩu tăng 3 lần. Nhập khẩu giảm đáng kể.

🡺 Kiềm chế được đà lạm phát (giảm chỉ số tăng giá từ 20% (1986) xuống 4,4%(1990)), bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

- Về chính trị: Bộ máy nhà nước các cấp được sắp xếp lại và có một số đổi mới theo hướng dân chủ hơn, quyền lực của các cơ quan dân cử được tăng cường.

=> Chứng tỏ đường lối đổi mới phù hợp và đúng đắn.

\* Hạn chế:

- Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao…

- Lao động thiếu việc làm, lương thấp; đời sống nhân dân giảm sút.

- Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp; nhiều hiện tượng tiêu cực chưa được khắc phục.